

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T
TỈNH B

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 47/2020/HS- ST
Ngày 28-7-2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH B

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đoàn Thị O

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đào Xuân H

Ông Trần Văn Th

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn N - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa: Bà
Nguyễn Thị H - Kiểm sát viên .

Ngày 28 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh B xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 53/2020/TLST- HS ngày 30 tháng 6 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 137/2020/QĐXXST- HS ngày 14 tháng 7 năm 2020 đối với bị cáo:

Họ và tên: Nguyễn Ngọc C, sinh ngày 25 tháng 8 năm 1980

Tên gọi khác: không; nơi ĐKKH: thôn M, xã T, thành phố B, tỉnh B; nơi ở: thôn S, xã Q, huyện T, tỉnh B; nghề nghiệp: tự do; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: không xác định được cha đẻ và bà: Tạ Thị L; vợ: Trịnh Thị Th (đã ly hôn); con: có 02 con, con lớn sinh năm 2004, con nhỏ sinh năm 2015; tiền án: Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 26/2019/HSST ngày 13/12/2019 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh H xử phạt Nguyễn Ngọc C 30 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 60 tháng về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”; tiền sự: không có; nhân thân: Ngày 30/7/2012, Công an phường M, thành phố B đã Quyết định xử phạt vi phạm hành chính phạt tiền 750.000 đồng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, C đã nộp tiền phạt năm 2012. Bị cáo đầu thú, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 05/3/2020, hiện đang bị tạm giam tại trại tạm giam Công an tỉnh B (có mặt tại phiên tòa).

*** Bị hại:**

- Anh Nguyễn Văn Q, sinh năm 1997 (vắng mặt)

Nơi cư trú: khu Đ, thị trấn C, huyện T, tỉnh B;

- Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1987 (vắng mặt)

- Chị Dương Thị H, sinh năm 1989 (vắng mặt)

Chị H do anh Nguyễn Văn H đại diện theo ủy quyền (vắng mặt)
Đều cư trú: thôn S, xã Q, huyện T, tỉnh B;
- Ông Nguyễn Ngọc Đ, sinh năm 1957 (vắng mặt)
- Bà Phạm Thị T, sinh năm 1963 (vắng mặt)
Bà Tâm do ông Nguyễn Ngọc Đ đại diện theo ủy quyền (vắng mặt)
Đều cư trú: thôn Ph, thị trấn Nh, huyện T, tỉnh B;
* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:
- Chị Phùng Thị H, sinh năm 1974 (vắng mặt)
Nơi cư trú: phố T, thị trấn Nh, huyện T, tỉnh B;
- Anh Ngô Văn L, sinh năm 1974 (vắng mặt)
Nơi cư trú: khu Đ, thị trấn C, huyện T, tỉnh B;
- Anh Nguyễn Trọng Ngh, sinh năm 1984 (vắng mặt)
Nơi cư trú: thôn Đ, thị trấn Nh, huyện T, tỉnh B;
- Anh Thân Văn Q, sinh năm 1990 (vắng mặt)
Nơi cư trú: thôn Th, xã Q, huyện T, tỉnh B;
- Anh Vũ Đình H, sinh năm 1984 (vắng mặt)
Nơi cư trú: thôn H, xã T, huyện Y, tỉnh B;
- Anh Đoàn Văn V, sinh năm 1990 (vắng mặt)
Nơi cư trú: thôn Đ, xã T, huyện T, tỉnh B;
- Anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1975 (vắng mặt)
Nơi cư trú: phố T, thị trấn B, huyện Y, tỉnh B;
- Anh Đàm Thế S, sinh năm 1987 (vắng mặt)
Nơi cư trú: thôn Đ, xã Ph, huyện T, tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 16 giờ 00 phút ngày 23/02/2020, Nguyễn Ngọc C- sinh năm 1980 nơi đăng ký hộ khẩu thường trú thôn M, xã T, thành phố B, tỉnh B (chỗ ở hiện nay thôn S, xã Q, huyện T, tỉnh B) nhờ Đàm Thế S- sinh năm 1987 trú tại thôn Đ, xã Ph, huyện T, tỉnh B chở C đến chợ M thuộc thị trấn C, huyện T, tỉnh B để mua giày. Khi đến khu vực cổng chính của chợ M, C bảo S đứng ngoài chờ, còn C đi vào trong chợ M mua giày. Sau khi mua giày xong khoảng 16 giờ 20 phút cùng ngày, C đi bộ ra khu vực cổng phụ chợ M, C phát hiện có một đám cưới đang dỡ rạp và thấy có nhiều xe mô tô đỗ ở phía ngoài đường nhưng không có người trông coi nên C nảy sinh ý định trộm cắp xe mô tô cầm lấy tiền ăn tiêu. C nhìn thấy trước cửa nhà chị Nguyễn Thị Th- sinh năm 1982, trú tại Kh, thị trấn C, huyện T, tỉnh B có một chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave A, màu đỏ, đen, bạc có biển kiểm soát 98D1-499.79 của anh Nguyễn Văn Q- sinh năm 1997 trú tại khu Đ, thị trấn C, huyện T, tỉnh B dựng trước cửa nhà chị Th nên C đi đến chỗ chiếc xe mô tô, C lấy từ trong túi quần trước bên phải 01 chiếc “vám” hình chữ “T” mà C mang sẵn trong túi quần, cho một đầu vào trong ổ khóa điện rồi dùng hai tay vặn chiếc

“vam” theo chiều kim đồng hồ cho đến khi mở được khóa điện. C cắt chiếc “vam” hình chữ “T” vào túi quần đang mặc và ngồi lên xe mô tô nổ máy, điều khiển xe trộm cắp được về nhà Đoàn Văn V - sinh năm 1990, trú tại thôn Đ, xã T, huyện T, tỉnh B. Còn S đợi C một lúc không thấy C đâu nên S đã điều khiển xe đi về. Khi đến nhà V, C dùng đầu dẹt của chiếc “vam” hình chữ “T” mở cốp xe, thấy bên trong cốp xe có giấy đăng ký xe mô tô biển kiểm soát 98D1-499.79 mang tên Vũ Trọng Đ. Thấy C đến, V hỏi xe ở đâu đấy? C bảo là xe của C và C đưa giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô cho V nhờ V bán xe mô tô hộ. Sau đó, V nhờ Thân Văn Q - sinh năm 1990, trú tại thôn Th, xã Q, huyện T, tỉnh B đi cầm xe mô tô cho C. Q cầm giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô V đưa cho và điều khiển chiếc xe mô tô biển kiểm soát 98D1-499.79 mà C vừa trộm cắp được đến nhà chị Phùng Thị H - sinh năm 1974, trú tại phố T, thị trấn N, huyện T, tỉnh B và gửi xe lại cho chị H và vay của chị H số tiền 3.000.000 đồng. Số tiền này V và Q chưa đưa lại cho C.

Sau khi phát hiện mất xe mô tô ngày 05/3/2020, anh Nguyễn Văn Q đã đến Cơ quan điều tra Công an huyện T trình báo.

Cùng ngày, 05/3/2020, biết hành vi của bản thân là vi phạm pháp luật Nguyễn Ngọc C đã đến Cơ quan điều tra Công an huyện T đầu thú về hành vi trộm cắp tài sản xe mô tô, đồng thời C giao nộp cho Cơ quan điều tra: 01 thanh kim loại dài khoảng 7cm, trong đó phần lục giác dài 3 cm phần còn lại dẹt, đầu tù; 01 thanh kim loại rỗng hình chữ T gồm 2 thanh kim loại rỗng gắn với nhau, một thanh có dạng hình vuông rỗng gắn một thanh kim loại hình trụ rỗng, trên hai thanh có gắn băng dính đen; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung màu bạc có số IMEI1:353445082296628/01, IMEI2: 353416082296626/01 có lắp sim số 0941100585 điện thoại cũ đã qua sử dụng.

Ngày 05/3/2020, sau khi biết chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda wave A biển kiểm soát 98D1- 499.79 là xe do C trộm cắp mà có nên chị Phùng Thị H đã tự nguyện giao nộp chiếc xe mô tô trên cùng 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển kiểm soát 98D1-499.79 cho Cơ quan điều tra Công an huyện T.

Ngày 06/3/2020, Cơ quan điều tra Công an huyện T đã tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của Nguyễn Ngọc C. Kết quả khám xét thu giữ tại nhà C 01 chiếc biển kiểm soát 20M1-5869 và 01 chiếc biển kiểm soát 98C1-11041.

Tại kết luận định giá số 16 ngày 10/3/2020 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự huyện T kết luận: “01 (một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu honda wave A màu sơn: đỏ, đen, bạc biển kiểm soát 98D1-499.79 số máy HC12E7023691, số khung 1251FY023628 có giá 13.000.000đ (Mười ba triệu đồng chẵn).

Quá trình điều tra, Nguyễn Ngọc C còn khai nhận ngoài vụ trộm cắp tài sản trên ra trong khoảng thời gian từ cuối tháng 02//2020 đến tháng 3/2020, Nguyễn Ngọc C còn thực hiện 02 vụ trộm cắp tài sản trên địa bàn huyện T và 01 vụ trộm cắp tài sản trên địa bàn huyện V cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Khoảng 09 giờ ngày 28/02/2020, Nguyễn Ngọc C đi nhờ xe đến khu chợ Nh thuộc phố T, thị trấn Nh, huyện T để chơi nếu ai có tài sản sơ hở thì trộm cắp tài sản. Sau khi xuống xe ở khu vực ngã tư thị trấn Nh, huyện T, C đi

bộ đến khu vực cổng phụ chợ Nh, C phát hiện thấy ở khu vực cổng chợ có một chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda wave S màu đen, xám biển kiểm soát 98N8-2476 của anh Nguyễn Văn H- sinh năm 1987, trú tại thôn S, xã Q, huyện T, tỉnh B không gửi bãi trông xe mà để ở phía ngoài cổng phụ không có người quản lý nên C nảy sinh ý định trộm cắp chiếc xe mô tô trên của anh H. C quan sát thấy không có người để ý, Khoảng 9 giờ 15 phút, C đi bộ đến chỗ chiếc xe mô tô và lấy từ trong túi quần 01 chiếc “vám” chữ “T” mang theo từ trước và mở ổ khóa điện xe mô tô, sau khi mở được khóa điện C ngồi lên xe mô tô nổ máy điều khiển xe mô tô trộm cắp được đến nhà Vũ Đình H- sinh năm 1984, trú tại thôn H, xã T, huyện Y, tỉnh B để nhờ H tiêu thụ hộ. Khi đến nhà H, C gặp H và Nguyễn Văn L- sinh năm 1975, trú tại phố T, thị trấn B, huyện Y, tỉnh B đang ở nhà H. Gặp H và L, C nói với H và L “xe vừa nháy được, tháo biển, yếm đi xem ai mua bán cho anh”, H đồng ý. H và L tháo biển kiểm soát và yếm xe để tại nhà H, sau đó H điều khiển xe mô tô chở C bằng chiếc xe vừa trộm cắp được đi đến B gặp một người bạn của H là Nguyễn Trọng Ngh- sinh năm 1984, trú tại thôn Đ, thị trấn Nh, huyện T, tỉnh B mục đích bán xe cho Ngh. Tuy nhiên khi C gặp Ngh, C nói với Ngh cho C vay số tiền 2.000.000 đồng, C để lại chiếc xe mô tô làm tin. Do quen biết H nên Ngh đồng ý và nói bây giờ chỉ có 1.800.000 đồng, đồng ý cầm tiền, sau đó cho H 1.000.000 đồng còn 800.000 đồng C đã ăn tiêu cá nhân hết.

Ngày 23/3/2020, sau khi biết chiếc xe mô tô mà C vay tiền để lại làm tin là tài sản do C trộm cắp mà có nên Nguyễn Trọng Ngh đã tự nguyện giao nộp chiếc xe mô tô nhãn hiệu honda wave S màu xám đen không có biển kiểm soát, số khung RLHHC12098Y098374, số máy HC12E0188158 cho Cơ quan điều tra Công an huyện T.

Vụ thứ hai: Khoảng 19 giờ ngày 03/3/2020, Nguyễn Ngọc C đi nhờ xe của Nguyễn Văn L- sinh năm 1975, trú tại phố T, thị trấn B, huyện Y, tỉnh B đến khu vực cổng trường tiểu học thị trấn Nh, huyện T thuộc địa phận thôn Bã, thị trấn Nh, huyện T với mục đích trộm cắp xe mô tô. Khi đến cổng trường tiểu học thị trấn Nh, huyện T, C xuống xe, còn L điều khiển xe mô tô ra về. Sau khi L về, C đi bộ vào phía trong sân trường tiểu học thị trấn Nh, huyện T, C phát hiện có một chiếc xe mô tô nhãn hiệu Hoda wave S màu đen, xám biển kiểm soát 98N8-3388 của ông Nguyễn Ngọc Đ- sinh năm 1957, trú tại thôn Ph, thị trấn Nh, huyện T, tỉnh B dựng ở gần nhà thi đấu đa năng, quan sát thấy không có người trông coi C nảy sinh ý định trộm cắp chiếc xe trên. Khoảng 19 giờ 10 phút, C đi bộ đến chỗ chiếc xe mô tô quan sát thấy không có ai để ý nên C đã lấy 01 chiếc “vám” hình chữ T để sẵn ở trong túi quần mở ổ khóa điện của chiếc xe mô tô rồi ngồi lên xe nổ máy điều khiển xe mô tô đến nhà Vũ Đình H- sinh năm 1984, trú tại thôn H, xã T, huyện Y, tỉnh B. Khi đến nhà H, C gặp H và L, C nói với H và L là “Xe vừa nháy được” ý nói là xe vừa trộm cắp được. C, H và L cùng nhau tháo biển kiểm soát xe mô tô ra để ở nhà H, sau đó C nhờ L mang xe về nhà L cắt dấu để hôm sau mang đi tiêu thụ. Đến sáng ngày 4/3/2020, L điều khiển xe mô tô C trộm cắp được chở C đến nhà Ngô Văn L- sinh năm 1974, trú tại khu Đ, thị trấn C, huyện T, tỉnh B. Tại đây, C

hỏi vay L tiền và để lại xe mô tô để làm tin, L đồng ý cho C vay số tiền 2.000.000 đồng, số tiền vay được C chia cho L 500.000 đồng, số tiền còn lại C tiêu sài cá nhân hết.

Ngoài 03 vụ trộm cắp xe mô tô trên địa bàn huyện T ra Nguyễn Ngọc C còn khai nhận thực hiện 01 vụ trộm cắp xe mô tô ở địa bàn huyện V vào một buổi chiều giữa tháng 02/2020, Nguyễn Ngọc C đi xuống khu Công nghiệp Đ, huyện V, tỉnh B thì gặp Đàm Thế S- sinh năm 1987, trú tại thôn Đ, xã Ph, huyện T, tỉnh B. Sau đó, C nhờ Schở C đến khu nhà trọ tại khu công nghiệp Đ, huyện V mục đích tìm bạn. Sau đó C đi bộ tìm phòng trọ của bạn nhưng không tìm được, lúc này C nhìn thấy ở một dãy nhà trọ (C không nhớ địa chỉ) có một chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda wave màu trắng (không nhớ biển kiểm soát) để ở sân trước cửa một phòng trọ và cầm chìa khóa ở xe nhưng không có người trông coi nên C đã nảy sinh ý định trộm cắp chiếc xe trên. C đi bộ vào trong sân quan sát không có ai nên dắt xe mô tô ra ngoài cổng và lên xe mở khóa điện nổ máy và đi thẳng về khu vực thành phố B. Khi C đi xe đến khu vực cây xăng S, thành phố B thì gặp S ở đó. Tại đây, C nói với S chiếc xe trên là của bạn nhờ đem bán hộ nên S đã mua chiếc xe trên của C với giá 3.000.000 đồng.

Ngày 06/3/2020, khi biết chiếc xe C để lại là tài sản do C trộm cắp mà có nên L đã giao nộp cho Cơ quan điều tra 01 xe mô tô nhãn hiệu honda wave S màu sơn đen, xám không có biển kiểm soát số khung ...595066, số máy H..2E-01... một phần bị mài mòn.

Căn cứ lời khai của Nguyễn Ngọc C, ngày 18/3/2020, Cơ quan điều tra Công an huyện T đã tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của Vũ Đình H, kết quả khám xét không thu giữ đồ vật, tài liệu gì.

Ngày 19/3/2020, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T yêu cầu Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Tân Yên tiến hành định giá 02 chiếc xe mô tô mà C trộm cắp trị giá bao nhiêu tiền?

Tại kết luận định giá số 19 ngày 24/3/2020 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự huyện T kết luận:

- 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda – Wave S, màu sơn Đen – xám biển kiểm soát 98N8-3388 số máy 0199096, số khung 595066 có giá 7.000.000 đồng (Bảy triệu đồng chẵn).

- 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda – Wave S, màu sơn Đen – xám biển kiểm soát 98N8-2476, số máy 0188158, số khung 098374 có giá 7.000.000 đồng (Bảy triệu đồng chẵn)

Tổng giá trị tài sản 14.000.000 đồng (Mười bốn triệu đồng chẵn).

Quá trình điều tra Nguyễn Ngọc C đã khai nhận hành vi phạm tội như đã nêu trên.

Tại bản cáo trạng số 49CT-VKS ngày 29/6/2020 của Viện kiểm sát huyện T, tỉnh B đã truy tố bị cáo Nguyễn Ngọc C về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T giữ nguyên bản cáo trạng. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52; Điều 56; Điều 65; Điều 38 Bộ luật hình sự. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Ngọc C phạm tội “Trộm cắp tài sản”, xử phạt bị cáo tù 02 năm 02 tháng tù đến 02 năm 04 tháng tù. Buộc bị cáo phải chấp hành chung cho cả hai bản án là 04 năm 08 tháng tù đến 04 năm 10 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam từ ngày 05/3/2020. Không áp dụng hình phạt bổ sung với bị cáo C.

Về trách nhiệm dân sự: Chị Phùng Thị H yêu cầu anh Thân Văn Q phải trả cho chị số tiền 3.000.000 đồng. Cơ quan điều tra xác minh anh Q không có mặt tại địa phương nên cần tách phần trách nhiệm dân sự về yêu cầu của chị H đối với anh Q. Sau này chị H yêu cầu sẽ giải quyết bằng vụ án dân sự khác. Ngoài ra còn đề nghị xử lý vật chứng.

Tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như bản cáo trạng đã nêu. Tại phần tranh luận, bị cáo cho rằng mức hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát đề xuất đối với bị cáo là cao.

Đại diện viện kiểm sát cho rằng bị cáo C bị truy tố về tội “ Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự với mức hình phạt từ 06 tháng tù đến 03 năm tù. Tài sản mà bị cáo trộm cắp có tổng giá trị là 27.000.000 đồng. Bị cáo 03 lần thực hiện trộm cắp tài sản và bị cáo phải chịu tình tiết là tái phạm. Bị cáo có 1 tình tiết giảm nhẹ ở khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự nên mức hình phạt mà đại diện viện kiểm sát đề nghị với bị cáo C là hoàn toàn phù hợp. Đại diện viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm về mức hình phạt đối với bị cáo C.

Bị cáo C không có ý kiến tranh luận gì, đề nghị Hội đồng xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T; Kiểm sát viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện T trong quá trình điều tra truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra bị cáo, bị hại và tại phiên tòa, bị cáo không ai có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa hôm nay, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt, tuy nhiên họ đã có lời khai trong quá trình điều tra. Sự vắng mặt này không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử quyết định tiếp tục xét xử vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 292; khoản 1 Điều 293 Bộ luật tố tụng hình sự.

[3] Về tội danh và hình phạt: Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa hôm nay là phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án về thời gian, địa điểm và diễn biến của quá trình bị cáo thực hiện hành vi phạm tội. Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để kết luận:

Trong khoảng thời gian từ ngày 23/02/2020 đến ngày 03/3/2020, Nguyễn Ngọc C- sinh năm 1980, nơi đăng ký hộ khẩu thường trú thôn M, xã T, thành phố B, tỉnh B (chỗ ở hiện nay thôn S, xã Q, huyện T, tỉnh B) đã thực hiện 03 vụ trộm cắp tài sản trên địa bàn huyện T, tỉnh B. Khi thực hiện hành vi chiếm đoạt, bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự. Bị cáo đã chiếm đoạt chiếc 01 xe mô tô của anh Nguyễn Văn Q trị giá là 13.000.000 đồng; 01 xe mô tô của anh Nguyễn Văn H trị giá là 7.000.000 đồng và 01 chiếc xe mô tô của ông Nguyễn Ngọc Đ trị giá 7.000.000 đồng. Tổng giá trị 03 chiếc xe mô tô mà bị cáo C trộm cắp là 27.000.000 đồng nên hành vi của bị cáo đã có đầy đủ các yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”, tội danh và hình phạt áp dụng đối với bị cáo được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Do đó, bản cáo trạng truy tố bị cáo là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Xét về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo Hội đồng xét xử thấy:

Xét nhân thân của bị cáo thì thấy: bị cáo là người có nhân thân không tốt. Bị cáo C đã bị xử phạt hành chính và đã bị kết tội bằng bản án của Tòa án.

Xét tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự của bị cáo thì thấy: bị cáo C trong thời gian từ ngày 23/02/2020 đến ngày 03/3/2020 đã thực hiện 3 vụ trộm cắp tài sản trên địa bàn huyện T. Trị giá tài sản của mỗi chiếc xe mô tô mà bị cáo trộm cắp trên 2.000.000 đồng nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự phạm tội 02 lần trở lên quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Bị cáo C đã bị kết tội bằng bản án của Tòa án. Tại bản án số 26/2019/HSST ngày 13/12/2019, của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh H xử phạt Nguyễn Ngọc C 30 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 60 tháng về tội "Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ". Bị cáo chưa được xóa án tích lại tiếp tục phạm tội nên bị cáo C phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là tái phạm quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

Xét về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo thấy: Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Sau khi thực hiện phạm tội, bị cáo đã đến Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi trộm cắp. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, cần xem xét để giảm nhẹ cho bị cáo khi quyết định hình phạt.

Từ những phân tích, đánh giá về tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của bị cáo, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự. Hội đồng xét xử thấy hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm hại đến quyền sở hữu về tài sản của người bị hại được pháp luật

bảo vệ mà còn gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an tại địa phương. Do đó phải áp dụng hình phạt tù tương xứng nhằm giáo dục riêng và răn đe phòng ngừa chung.

- Về hình phạt bổ sung: bị cáo không có thu nhập, không có tài sản gì nên không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo.

[5] Về tổng hợp bản án:

Bị cáo C đang phải chấp hành bản án số 26/2019/HS-ST ngày 13 tháng 12 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh H xử phạt 30 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 60 tháng về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”. Thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 13/12/2019) nay lại bị xét xử về hành vi phạm tội mới. Do vậy, Hội đồng xét xử tổng hợp hình phạt của hai bản án theo quy định tại khoản 2 Điều 56, khoản 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự.

[6] Đối với vụ trộm cắp xe mô tô trên địa bàn huyện V, tỉnh B, ngày 05/5/2020 Cơ quan điều tra Công an huyện T đã có Công văn số 310 gửi Cơ quan điều tra Công an huyện V trao đổi thông tin liên quan đến vụ trộm cắp của C tại huyện V. Ngày 14/5/2020, Cơ quan điều tra Công an huyện V có Công văn số 328 trả lời qua rà soát, kiểm tra, xác minh trong thời gian tháng 02/2020, Cơ quan điều tra Công an huyện V không nhận được đơn trình báo nào liên quan đến chiếc xe mô tô nhãn hiệu honda wave màu trắng bị trộm cắp tại khu vực nhà trọ thuộc khu công nghiệp Đ, huyện V. Cơ quan điều tra Công an huyện T đã chuyển tài liệu vụ việc trên đến Cơ quan điều tra Công an huyện V để điều tra theo thẩm quyền.

[7] Đối với Đoàn Văn V, V khai nhận ngày 23/02/2020, C điều khiển xe mô tô đến nhờ V mang xe mô tô đi cầm lấy tiền, V không biết chiếc xe mô tô trên là xe do C trộm cắp mà có. Cơ quan điều tra Công an huyện T đã triệu tập V đến làm việc. Tuy nhiên, hiện nay V vắng mặt tại địa phương, V đi đâu làm gì chính quyền địa phương không nắm được. Do đó, Cơ quan điều tra Công an huyện T đã tách phần tài liệu liên quan đến V ra để điều tra làm rõ theo quy định của pháp luật.

[8] Đối với Nguyễn Văn L và Vũ Đình H, quá trình điều tra Cơ quan điều tra đã triệu tập nhiều lần nhưng L và H không đến làm việc, Cơ quan điều tra tiến hành xác minh hiện L và H không có mặt tại địa phương, gia đình và chính quyền địa phương không biết L và H đi đâu, làm gì nên Cơ quan điều tra Công an huyện T đã tách phần tài liệu liên quan đến L và H ra khỏi hồ sơ vụ án khi nào có căn cứ xử lý theo quy định của pháp luật.

[9] Đối với Ngô Văn L và Nguyễn Trọng Ngh khi cho C vay tiền và nhận xe mô tô của C để làm tin, tuy nhiên L và Ngh đều không biết những chiếc xe trên là do C trộm cắp mà có. Ngoài lời khai của C, L và Ngh ra không có tài liệu chứng cứ nào khác chứng minh việc L, Ngh biết những chiếc xe mô tô trên do C trộm cắp mà có nên Cơ quan điều tra không có căn cứ xem xét xử lý đối với L và Ngh.

[10] Đối với Nguyễn Văn Q, Cơ quan điều tra Công an huyện T đã triệu tập Q đến làm việc, tuy nhiên Q vắng mặt tại địa phương, Q đi đâu, làm gì gia đình, chính quyền địa phương không nắm được nên Cơ quan điều tra Công an huyện T

đã tách phần tài liệu liên quan đến Q ra khỏi hồ sơ vụ án để tiếp tục xác minh, khi nào có căn cứ xử lý theo quy định của pháp luật.

[11] Đối với Đàm Thế S khi đưa C đi mua giày, S không biết việc C trộm cắp tài sản nên S không vi phạm pháp luật.

[12] Đối với chị Phùng Thị H khi cho Q vay tiền, Q gửi lại chiếc xe mô tô làm tin, do Q đưa cho chị H giấy chứng nhận đăng ký xe và nói là xe của Q nên chị H cho Q vay tiền, chị H không biết chiếc xe mô tô trên là tài sản do người khác phạm tội mà có. Mặt khác, ngoài lời khai của chị H ra không có tài liệu, chứng cứ nào khác khẳng định việc chị H biết chiếc xe mô tô trên là do trộm cắp mà có nên Cơ quan điều tra không có căn cứ, xem xét xử lý đối với chị H.

[13] Đối với 02 chiếc biển kiểm soát thu giữ khi khám xét khẩn cấp nhà C, quá trình điều tra đã xác định được 02 chiếc biển kiểm soát này là do Đàm Thế S nhặt được ở đường (không nhớ vị trí nào), sau đó mang đến để ở nhà C.

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra Công an huyện T đã tiến hành tra cứu và xác định chiếc biển kiểm soát 98C-110.41 là biển kiểm soát xe mô tô của chị Phùng Thị Th- sinh năm 1974, trú tại B, xã X, huyện Y, tỉnh B. Khoảng tháng 2/2020, chị Th đi chiếc xe mô tô nhãn hiệu honda wave biển kiểm soát 98C1-11041 đến B, xã L, huyện V, tỉnh Th thì bị kẻ gian trộm cắp mất. Cơ quan điều tra Công an huyện T đã chuyển tài liệu và biển kiểm soát trên đến Cơ quan điều tra Công an huyện V, tỉnh Th để điều tra theo thẩm quyền.

Đối với chiếc biển kiểm soát 20M1-5869, quá trình điều tra đã xác định là biển kiểm soát xe mô tô đăng ký tên bà Lưu Thị X- sinh năm 1967 trú tại Tổ 12, phường Q, thành phố Th, tỉnh Th, bà X mua xe và đăng ký biển kiểm soát này từ năm 2007 đến năm 2014 thì bán xe mô tô cho một người không quen biết. Cơ quan điều tra Công an huyện T đã tiến hành xác minh nhưng chưa xác định được chủ sở hữu của chiếc xe mô tô trên là ai nên Cơ quan điều tra Công an huyện T tách phần tài liệu liên quan đến chiếc biển kiểm soát trên ra khỏi hồ sơ vụ án để tiếp tục xác minh, khi nào có căn cứ sẽ xem xét xử lý sau.

[14] Về vật chứng:

- Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu honda wave A màu sơn đỏ, đen, bạc biển kiểm soát 98D1-499.79, số máy HC12E7023691, số khung 1251FY023628 quá trình điều tra xác định đây là tài sản thuộc quyền sở hữu của anh Nguyễn Văn Q. Ngày 03/4/2020, Cơ quan điều tra đã Quyết định xử lý vật chứng bằng hình thức trả lại chiếc xe mô tô trên cho anh Q quản lý, sử dụng.

- Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda wave S màu xám đen, không có biển kiểm soát, số khung RLHHC12098Y098374, số máy HC12E0188158 quá trình điều tra xác định đây là tài sản thuộc sở hữu của anh Nguyễn Văn H nên ngày 28/4/2020, Cơ quan điều tra Công an huyện T đã quyết định xử lý vật chứng trả lại chiếc xe mô tô trên cho anh H quản lý, sử dụng.

- Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu honda wave S màu sơn đen, xám không có biển kiểm soát số khung ...595066, số máy H..2E-01... một phần bị mài mòn. Quá trình điều tra Cơ quan điều tra đã xác định được dãy số khung

RLHHC12078Y595066 không bị hàn ghép, đóng đục lại. Dây số máy bị tẩy xóa, số nguyên thủy là HC12E-0199096, xác định đây là tài sản thuộc quyền sở hữu của ông Nguyễn Ngọc Đ nên ngày 23/4/2020, Cơ quan điều tra Công an huyện T đã trả lại chiếc xe mô tô trên cho ôn Đ quản lý, sử dụng.

Đối với 01 thanh kim loại dài khoảng 7cm, trong đó phần lục giác dài 03 cm, phần còn lại dẹt, đầu tù; 01 thanh kim loại rỗng hình chữ T gồm 2 thanh kim loại rỗng gắn với nhau, một thanh có dạng hình vuông rỗng gắn một thanh kim loại hình trụ rỗng, trên hai thanh có gắn bằng dính đen là 02 bộ phận của chiếc “vám” C tự chế là dụng cụ C sử dụng vào việc phạm tội không có giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy;

Đối với chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung màu bạc có số IMEI1:353445082296628/01, IMEI2: 353416082296626/01 có lắp sim số 0941100585 điện thoại cũ đã qua sử dụng. Quá trình điều tra xác định đây là tài sản của Nguyễn Ngọc C không sử dụng vào việc phạm tội trả lại cho bị cáo nhưng tạm giữ để đảm bảo việc thi hành án.

[15] Về trách nhiệm dân sự:

Anh Ngô Văn L, anh Nguyễn Văn H, ông Nguyễn Ngọc Đ, anh Nguyễn Văn Q không có yêu cầu gì về việc bồi thường thiệt hại nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Anh Nguyễn Trọng Ngh yêu cầu bị cáo C phải trả số tiền 1.800.000 đồng và bị cáo đồng ý trả số tiền trên cho anh Ngh nên cần chấp nhận việc bị cáo trả cho anh Ngh số tiền 1.800.000 đồng.

Chị Phùng Thị H khi cho Q vay tiền, Q gửi lại chiếc xe mô tô làm tin, chị H không biết chiếc xe mô tô trên là tài sản do người khác phạm tội mà có. Đến nay, chị H yêu cầu anh Thân Văn Q phải trả lại cho chị số tiền 3.000.000 đồng, Hội đồng xét xử thấy ngoài lời khai của chị H, anh Q là người nhận tiền của chị H không có mặt tại địa phương nên cần cần tách phần trách nhiệm dân sự về yêu cầu của chị H đối với anh Q. Sau này chị H yêu cầu sẽ giải quyết bằng vụ án dân sự khác.

[16] Về án phí: bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và quy định tại điểm a, c, f khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[17] Về quyền kháng cáo: bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại khoản 1, 4 Điều 331, khoản 1 Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phiên tòa về tội danh, điều luật áp dụng, mức hình phạt là có căn cứ cần được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Ngọc C phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52; khoản 2 Điều 56; khoản 5 Điều 65; Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Ngọc C 02 (hai) năm 04 (bốn) tháng tù. Tổng hợp với phần hình phạt 30 tháng tù của Bản án số 26/2019/HSST ngày 13/12/2019 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh H về tội “ Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả 2 bản án là 04 (bốn) năm 10 (mười) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam từ ngày 05/3/2020. Không phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo C.

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 357; khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Bị cáo Nguyễn Ngọc C phải trả cho anh Nguyễn Trọng Ngh số tiền 1.800.000 đồng (một triệu tám trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với khoản tiền được trả cho người được thi hành án cho đến khi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự, tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

3. Về vật chứng: căn cứ điểm a khoản 2; điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu hủy: 01 thanh kim loại dài khoảng 7cm, trong đó phần lục giác dài 03 cm, phần còn lại dẹt, đầu tù và 01 thanh kim loại rỗng hình chữ T gồm 2 thanh kim loại rỗng gắn với nhau, một thanh có dạng hình vuông rỗng gắn một thanh kim loại hình trụ rỗng, trên hai thanh có gắn băng dính đen.

Trả lại cho bị cáo Nguyễn Ngọc C 01 thoại di động nhãn hiệu Samsung màu bạc có số IMEI1:353445082296628/01, IMEI2: 353416082296626/01 có lắp sim số 0941100585 điện thoại cũ đã qua sử dụng nhưng tạm giữ để đảm bảo việc thi hành án.

4. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a, c, f khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Bị cáo Nguyễn Ngọc C phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: căn cứ khoản 1, 4 Điều 331, khoản 1 Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự.

Bị cáo có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt (hoặc niêm yết) bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng

chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự.

Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh B;
- VKSND tỉnh B;
- Sở tư pháp tỉnh B;
- VKSND huyện T;
- Công an huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Bị cáo; bị hại;
- Lưu Hs, Vp.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đoàn Thị O